

VỀ ĐỘI NGŨ LƯU HỌC SINH VIỆT NAM TRÊN ĐẤT NHẬT BẢN ĐẦU THẾ KỶ XX

CHƯƠNG THẦU*

Như chúng ta đều biết, công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam từ khi phong trào Cần Vương chống Pháp thất bại, cơ hồ gặp bước bế tắc. Để tiếp nối sự nghiệp thiêng liêng "khôi phục nền độc lập của Tổ quốc" này, một số sĩ phu yêu nước tiến bộ xuất thân từ Nho học, có uy vọng đã đứng ra đảm nhận nhiệm vụ "tìm đường cứu nước mới hợp với thời đại mới". Phan Bội Châu là một trong số những nhân vật tiên phong ưu tú đó.

Từ đầu thế kỷ XX, sau một thời gian vào Nam ra Bắc, ngược xuôi tìm kiếm, kết liên những người đồng tâm đồng chí, Phan Bội Châu cùng với họ sáng lập ra một hội đảng bí mật kiểu mới tại Quảng Nam vào ngày tháng Tư năm 1904 mà sau đó lấy tên gọi là *Hội Duy Tân*. Hội này có tôn chỉ, mục đích: "đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước quân chủ lập hiến" (1) và hoạch định chủ trương đường lối hoạt động rõ ràng. Trong đó có kế hoạch "xuất dương cầu viện" được coi là quan trọng, và những người lãnh đạo Hội đã chọn hướng tới nước Nhật Bản "đồng văn đồng chủng" - một nước có kinh nghiệm thành công của sau 30 duy tân - đã rất hùng mạnh, vừa chiến thắng lẫy lừng trong

hai cuộc chiến Nhật - Trung (1894) và Nhật - Nga (1905).

Thực hiện kế hoạch "cầu ngoại viện", ngày đầu năm 1905, Phan Bội Châu đã cùng vài đồng chí thân tín như Tăng Bạt Hổ, Đặng Tử Kính dưng cảm vượt biển khơi đến đất nước của Minh Trị Thiên hoàng cầu giúp cho Hội Duy Tân vũ khí, binh lính, tiền bạc để về đánh Pháp. Nhưng mục đích cầu viện có tính chất "truyền thống" đó đã không thành! Ngay khi vừa mới đặt chân lên đất nước Nhật hùng cường mà lúc này đã là một "đế quốc quân phiệt", Phan Bội Châu đã được nhà chính khách Trung Hoa hiện sống ở Yokohama là Lương Khải Siêu góp cho nhiều ý kiến xác đáng về chủ trương cầu viện "vật chất" là sai lầm và khi được trực tiếp hội kiến với các chính khách quyền uy của Nhật Bản như Thủ tướng Khuyển Dương Nghị (Inukai Tsuyoshi), Bá tước Đại Ôi Trọng Tín (Okuma Shigeinoba), thì Phan Bội Châu nhận ra sự ảo tưởng, thiếu thực tế của mình và đã *kịp thời chuyển hướng chủ trương từ "cầu viện" thành "cầu học"* và phong trào Đông Du đưa thanh niên lưu học Nhật Bản được thai nghén từ đó.

* PGS. TS. Viện Sử học.

I. MẤY NÉT CHUNG

Mục đích của phong trào này như Phan Bội Châu viết trong bài *Khuyến quốc dân tư trợ du học văn* là nhằm mô phỏng "phong trào du học Phương Tây" của Nhật Bản từ trước thời Minh Trị, và đánh giá rất cao: "Do từ lúc đầu họ biết cho người đi học nước ngoài để mở mang dân trí, bồi dưỡng nhân tài, mới có được sự nghiệp rực rỡ vĩ đại như thế. Lúc để xương lên thì chỉ có một mình Cát Điền Tùng Âm (Yoshida Shoin) mà sau có hàng ức triệu Cát Điền Tùng Âm hò hét âm ỉ theo, nên tiếng thêm mạnh, vang thêm xa - Người nước ta như Cát Điền Tùng Âm há lại ít ư?... Sự nghiệp duy tân thứ nhất của Cát Điền Tùng Âm, anh em đồng bào ta há lẽ chịu nhường bước?" (2).

Hướng theo mục đích đó, Phan Bội Châu đề ra tiêu chuẩn của du học sinh: "chọn trong đám con em trẻ tuổi, những ai thông minh có chí, lại chịu được lao khổ thì tốt nhất. Nếu không thì chọn những anh em tuy không thông minh lắm, nhưng chí hướng bền bỉ cũng rất tốt, càng trẻ tuổi càng hay, rồi trích lấy vài nghìn bạc làm tiền kinh phí cho xuất dương trong một vài năm" (3). Phan Bội Châu muốn những lưu học sinh này trở thành những chiến sĩ hàng đầu trong công cuộc đấu tranh chống Pháp giành độc lập dân tộc, nên ngay từ chuyến đi Nhật đầu tiên đã lập mối liên hệ với các nhân sĩ và chính giới tiến bộ của Nhật Bản, nhờ họ thu xếp cho vào học tại các trường quân sự, văn hóa, khoa học kỹ thuật của Nhật Bản.

Trong lần trở về nước đầu tiên để bàn lại với các đồng chí mọi kế sách của Hội Duy Tân, kể cả việc đón Hội chủ Cường Để xuất dương như sự góp ý của phía Nhật Bản, Phan Bội Châu đã tranh thủ thời gian kết hợp vận động thanh niên du học.

Đến tháng 10-1905, khi trở lại Nhật Bản, Phan Bội Châu đã mang theo ba thanh niên: Nguyễn Thúc Canh (tức Trần Hữu Công hay Trần Trọng Khắc) và Nguyễn Điển người Nghệ An cùng với Lê Khiết người Thanh Hóa đến Yokohama. Liền sau đó, lại có thêm Lương Ngọc Quyến (Lương Lập Nham) và Lương Nghị Khanh là hai người con của cụ Lương Văn Can, Nguyễn Văn Điển người Hà Đông và hai người khác nữa (giấu tên) (4), cũng tìm đường sang Nhật đến với Phan Bội Châu. Họ là những thanh niên đầu tiên du học Nhật Bản.

Đầu năm 1906, Cường Để qua Nhật và được xếp vào học ở trường Chấn Võ (Shimbu gakku) lấy tên là Nguyễn Trung Hưng (về sau ông còn có các tên khác nữa như Lâm Đức Thuận, Minami Ichio) cùng với ba người tới trước: Nguyễn Thúc Canh, Lương Ngọc Quyến và Nguyễn Điển. Trường này do chính phủ Nhật thành lập tại Tokyo năm 1903 nhằm giảng dạy cho lưu học sinh Thanh quốc về Nhật ngữ, các môn văn hóa và dự bị quân sự. Sau 18 tháng học "dự bị" học sinh tốt nghiệp rồi sau đó mới được tiến cử đi học trường sĩ quan lục quân của Nhật Bản. Hiệu trưởng của trường là Đại tướng Fukushima, Phó Tham mưu trưởng lục quân Nhật Bản.

Bấy giờ, phong trào Đông Du được hưởng ứng rầm rộ "làm rung động trong cả nước", "được đi Nhật du học, đó là muốn hấp thụ văn minh ngoại quốc để làm cho sự nghiệp cứu quốc phát triển" (5). Đó là câu nói của Lê Khánh, một thầy tu Công giáo, khi vận động các tín đồ của mình xuất dương du học. Từ Nhật Bản, Cường Để cũng phát lời kêu gọi đồng bào Lục tỉnh hưởng ứng Đông Du và đã được đáp ứng tức thì. "Khoảng các năm Bính Ngọ, Đinh Mùi (1906, 1907) tin Hội chủ xuất dương chấn động khắp nước. Bài văn *Phổ cáo Lục*

lĩnh đồng thời lan khắp Nam Kỳ. Ông Trần Văn Định được tin nói với mọi người rằng: "Chí nguyện của tôi thế là thực hiện được. Dòng vua Đông Du, sự nghiệp quang phục đã có người rồi, trảng sĩ lập công chính là thời này". Thế rồi, ông (Trần Văn Định) cùng Nguyễn Thần Hiến và các phụ lão Nam Kỳ độ 20 người, tổ chức các đoàn xuất dương. Hồi thứ nhất có các ông Bùi Chi Nhuận, Hoàng Hữu Chí; Hồi thứ nhì có các ông Hoàng Hưng, Lưu Do Hưng, Đặng Bình Thành kế tiếp xuất dương. Ông ở lại trong nước cố sức mở mang để chọn thêm nhân tài và trù liệu phí tổn, gây cơ sở cứu quốc cho tương lai. Ông lại để ý chấn hưng tân học, thu thập kiến thức mới, nghĩ rằng mình không làm trước thì còn khuyến khích được ai. Đến tháng 2 năm Mậu Thân (1908) ông tự đem hai con là An và Thư cùng với hơn 10 học sinh qua Nhật cầu học (6). Các ông này đã lập ra Hội Khuyến du học và hoạt động rất năng nổ, đạt hiệu quả cao. Nhờ đó mà Hội đã vận động và tuyển chọn được gần 100 thanh thiếu niên Nam Kỳ du học, đồng thời quyên góp được hàng trăm ngàn đồng chu cấp kinh phí cho hoạt động Đông Du tại Nhật Bản.

Số người Việt Nam Đông Du (gồm lưu học sinh và người quản lý lưu học sinh) tính đến cuối năm 1908 đã lên tới trên dưới 200 người, đông nhất là Nam Kỳ khoảng 100 người, Trung Kỳ 50 người và Bắc Kỳ 40 người. Một số địa phương được coi là "trung tâm" tuyển chọn được nhiều du học sinh như: Nghệ Tĩnh hơn 30 người; Hà Nội, Hà Đông hơn 20 người; Nam Định, Thái Bình khoảng 20 người, các tỉnh khác ở Bắc Kỳ khoảng 10 người, Thừa Thiên và Nam - Ngãi khoảng 10 người và Nam Kỳ khoảng 100 người. Phần lớn thanh thiếu niên du học này xuất thân từ những gia đình Nho học, hoặc điển chủ yếu nước, hoặc là con em

"những nhà có thù với giặc", gọi là "cừu gia tử đệ". Cho đến nay chúng ta vẫn chưa lập được một danh sách lưu học sinh Đông Du chính xác và cụ thể. Bởi lẽ phần lớn quốc tịch của lưu học sinh Việt Nam đều do mua "hộ chiếu của người Thanh Quốc" để trà trộn vào các lớp học của các trường họ theo học. Theo danh bạ nhà trường lưu lại cũng không chỉ rõ "ai là lưu học sinh Việt Nam". Hơn nữa, có một số lưu học sinh nước ta có hai ba tên họ khác nhau. Chẳng hạn: Nguyễn Thúc Đường còn có tên là Trần Hữu Công; Nguyễn Thúc Canh còn có tên là Trần Hữu Lực và Trần Trọng Khắc; Cường Để cũng có đến ba, bốn lần đổi tên: Nguyễn Trung Hưng, Gia Thành, Lâm Đức Thuận, Minami Ichio; Bùi Chi Nhuận tức Bùi Mộng Vũ; Huỳnh Hưng tức Huỳnh Văn Nghị; Nguyễn Bá Trác tức Nguyễn Tiêu Đầu; Võ Quán tức Lam Quảng Trung; Nguyễn Thái Bạt tức là Nguyễn Phong Di v.v... quả là khó mà định danh tính cho số đông lưu học sinh để có một bản thống kê chính xác!

Tất cả khoảng 200 lưu học sinh Việt Nam đến tại Nhật Bản qua nhiều đợt. Đợt cuối năm 1905 đầu năm 1906 chưa đông lắm. Khi mới đến họ được ở tạm Bính Ngọ Hiền tại Yokohama, có mấy người được xếp vào học trường Chấn Võ. Một số sang sau được Phan Bội Châu tổ chức cho học Nhật ngữ một thời gian, rồi tìm xin học ở các trường. Càng về sau, số lưu học sinh sang Nhật càng đông, Bính Ngọ Hiền phải dời về Tokyo. Phần lớn lưu học sinh sang Nhật những năm 1906 - 1908 được xếp vào học ở trường Đông Kinh Đông Văn thư viện (Tokyo Dobun Shoin) là một trường trực thuộc Hội Đông Á đồng văn. Trường này là trường dự bị đào tạo học sinh Thanh quốc, chủ yếu dạy Nhật ngữ và các môn văn hóa khác kể cả môn quân sự cho học sinh

Thanh quốc để họ có đủ khả năng đạt tới trình độ nhất định thì được vào học các trường cao đẳng chuyên môn khác nhau của Nhật Bản. Viện phó phụ trách trường lúc này là Kashiwabara Buntaro (Bá Nguyên Văn Thái Lang). Trường đã lập ra lớp học đặc biệt có năm phòng dành cho việc đào tạo lưu học sinh Việt Nam và đến tháng 5 năm 1908, số học sinh Việt Nam đã có trên 60 người. Theo tác giả cuốn sách *Truyện ký các chí sĩ tiên giác của Đông Á*, trong đó có đoạn viết: "Học sinh An Nam ở Tokyo lên tới 100 người, đại bộ phận đã vào học ở Tokyo Đồng Văn thư viện". "Đặc biệt, học sinh An Nam được nung nấu ý chí phục quốc, rất nhiệt tình học tập quân sự, nên vị Thiếu tá lão thành Naniwada (7) kể cả ngày chủ nhật cũng đưa học sinh đi dã ngoại để huấn luyện quân sự. Trong trường Đồng Văn thư viện này thì các nhân vật trung tâm là Phan Bá Ngọc, Đàm Quốc Khí, Đặng Tử Mẫn là những người có chí khí, nhiệt thành, các động tác huấn luyện rất nghiêm trang" (8). Việc học tập của lưu học sinh Việt Nam tại Đồng Văn thư viện đã được *Phan Bội Châu niên biểu* ghi rõ: "Công khóa ở trong hiệu chia làm hai đoạn lớn:

1. Thượng bán nhật công khóa (bài học buổi sáng).
2. Hạ bán nhật công khóa (bài học buổi chiều).

Thượng bán nhật công khóa thì ngoài Nhật văn, Nhật ngữ dạy cho các khoa học phổ thông như toán thuật, địa lý, lịch sử, hóa học, vật lý học, tu thân, luân lý, v.v...

Hạ bán nhật chuyên dạy quân sự tri thức, mà chú ý nhất là luyện tập binh thao. Bộ thự đầu vào đó rồi những chương trình quy tắc khi ở trong nhà hiệu thi thuộc về

người Nhật Bản quy định, khi ở ngoài nhà hiệu thi do người nước ta quy định" (9).

Ngoài hai trường Chấn Võ và Đồng Văn có nhiều lưu học sinh Việt Nam còn có các trường Đại học Waseda thu nhận Cường Để (sau khi bỏ học ở Chấn Võ), trường Trung học Seijo thu nhận Trần Trọng Khắc và Lưu Yến Đan vào học, trường Thương nghiệp tư lập Koishikawa cũng thu nhận một lưu học sinh Việt Nam (không rõ tên) và trường Tiểu học Koishikawa thu nhận ba em thiếu nhi là Trần Văn An, Trần Văn Thư (con của Trần Văn Định) và Hoàng Vĩ Hùng vào học.

Như vậy, có thể nói là, đến năm 1908, phần lớn lưu học sinh Việt Nam tại Nhật Bản đã được những người phụ trách sắp xếp nơi ăn ở, học tập ổn định. Về kết quả học tập, theo như nhận xét của Kashiwabara thì "các học sinh Việt Nam nhập học vào năm 1907 học tốt, thuộc vào nhóm giỏi" (10). Phan Bội Châu cũng ca ngợi một trong những học sinh giỏi ấy là Hoàng Đình Tuân "ở trong ban Nhật văn, Nhật ngữ trong nhà học có tiếng thông minh hơn cả" (11). Thành tích học tập của thiếu niên học ở trường Tiểu học Koishikawa, theo *Hồi ký* của Trần Trọng Khắc cho biết thì cũng rất tốt "không bao giờ rớt xuống thứ 5" (12).

II. HOẠT ĐỘNG TRONG HỘI CÔNG HIẾN

Để công tác quản lý lưu học sinh được tốt hơn, vào giữa năm 1907, Phan Bội Châu đã lập ra Hội Việt Nam Công Hiến do Kỳ ngoại hầu Cường Để làm Hội trưởng và Phan Bội Châu làm Tổng lý kiêm Giám đốc mà thực chất là người lãnh đạo tổ chức này. Dưới quyền điều hành chung của Ban lãnh đạo của Hội có bốn Bộ chia nhau phận sự

quản lý từng mặt hoạt động và chọn lựa những lưu học sinh có uy tín đảm nhiệm:

- *Bộ Kinh tế* do Đặng Tử Kính, Đặng Bình Thành và Phạm Chấn Yêm chuyên trách việc thu chi.

- *Bộ Kỷ luật* do Đàm Kỳ Sinh, Phan Bá Ngọc và Hoàng Quang Thành chuyên trách việc theo dõi ưu, khuyết điểm của lưu học sinh và đề nghị thưởng phạt.

- *Bộ Giao tế* do Phan Thế Mỹ, Nguyễn Thái Bạt và Lam Quảng Trung chuyên trách việc giao thiệp với nước ngoài và đưa đón người trong nước ra.

- *Bộ Văn thư* do Hoàng Trọng Mậu, Đặng Ngô Lân và Hoàng Hưng chuyên trách việc giấy tờ đi lại và phát hành, lưu trữ các văn kiện.

Ngoài ra, còn có *Cục Kiểm tra* để giám sát các Bộ nói trên trong khi thừa hành nhiệm vụ thì giao cho ba học viên ở trường Chấn Võ là Lương Lập Nham, Trần Hữu Công và Nguyễn Điển phụ trách.

Hệ thống tổ chức bố trí nhân sự và điều hành hoạt động một "cộng đồng quốc dân - lưu học sinh - Việt Nam yêu nước tại đây của Hội Công Hiến tựa như một "Chính phủ lâm thời", như Phan Bội Châu đã nói: "Từ mùa Xuân Đinh Mùi đến mùa Đông Mậu Thân là thời kỳ thanh niên ta sang du học thịnh nhất. Trách nhiệm tôi phải gánh vác trong thời kỳ này cũng khó nhọc bộn bề. Nào là chọn người vào học, nào là lo liệu giao thiệp, nào là vận động bạc tiền, nào là liên lạc tình nghĩa, đều là một tay tôi đứng mũi chịu sào hết cả. Tôi nghiêm nhiên như một quan Công sứ của nước Nam ở nước ngoài mà lại kiêm cả chức Đốc kinh lý nữa. Giếng sâu tay ngắn, việc lớn tài hèn, tôi vẫn lo sợ công việc tôi gánh vác không kham.

Đồng thời chúng tôi dựng lên Tân Việt Nam Công Hiến bất chước như một *chính phủ lâm thời* của nước Nam ở hải ngoại. Tuy là cách thức sắp đặt còn sơ sài nhưng có ảnh hưởng tới dân khí trong nước mau lắm" (13).

Hội Công Hiến không chỉ chăm lo quản lý việc học tập ở các trường của lưu học sinh, mà còn thường xuyên tổ chức những buổi "sinh hoạt chính trị" giúp lưu học sinh rèn luyện tư tưởng, đạo đức cách mạng, thường kỳ vào các buổi sáng chủ nhật hàng tuần. Chương trình nghị sự của các cuộc họp mặt toàn thể này thường là: Trước hết nghe Hội trưởng và Tổng lý huấn thị, khuyến cáo những vấn đề liên quan đến sinh hoạt, học tập của cộng đồng người Việt tại đây, thông báo tình hình thời sự "quốc nội hải ngoại". Có khi chỉ là bình giảng nội dung một cuốn sách, một chủ thuyết... nhằm nâng cao trình độ hiểu biết chung, củng cố thêm lòng yêu nước, nhắc nhở nhiệm vụ của các thành viên trước Tổ quốc, đồng bào, v.v... Sau đó mọi người được tự do phát biểu, trao đổi, bàn góp ý kiến với nhau về các vấn đề đặt ra, chẳng hạn như tinh thần "cần công khổ học", "rèn tài luyện chí", v.v... giúp đỡ nhau mau chóng tiến bộ, thành đạt để về phục vụ cho công cuộc phục quốc và kiến quốc.

Lưu học sinh đã tích cực tham gia hoạt động của Hội Công Hiến, đã cùng với Ban lãnh đạo làm được một số việc "khó quên" như Phan Bội Châu đã ghi ở tập *Niên biểu* của mình:

"- Hoan tống Nam Kỳ phụ lão (sang Tokyo tham quan đầu năm 1908).

- Hoan nghênh Mai Lão Bạng tiên sinh là người đại biểu cho Giáo hội.

- Hoan nghênh Nguyễn Thượng Hiền tiên sinh.

- Sự nghĩa hiệp của Thiển Vũ Tá Hi Thái Lang người Nhật Bản.

- Màn thứ nhất kết giao Xiêm La.

- Một tuồng thảm kịch vì chí sĩ Trần Đông Phong tuấn quốc" (14).

Có thể kể ra đây vài dẫn chứng như: Trong buổi "lễ đón tiếp Nguyễn Thượng Hiền" ngày 30-5-1908, anh em lưu học sinh đã được nghe một bài "diễn thuyết" đầy tâm huyết được coi là *Bài ca của học sinh Đông Du*, trong đó có những đoạn khuyên răn thống thiết:

"... Xa trông thấy Đông Doanh một dải

Nước Phù Tang là cõi văn minh.

Khen thay phú quốc cường binh,

Cũng từ một chữ nhiệt thành gây nên.

Cờ độc lập treo lên pháp phôi

Bạn Đông Phương ta phải tìm nhau.

Dang tay qua lối Thần Châu,

Kiểm nơi học tập để sau nên tài.

...

Khuyên ai nấy cần cù việc học,

Hẩn mai sau đông đúc nhân tài.

Có văn có võ hẳn hoi,

Có tay thực nghiệp, có người ngoại giao.

Xem trình độ đã cao hơn trước,

Chữ tự do cả nước đồng tình..." (15).

Đầu năm 1908, lưu học sinh cũng tổ chức đón tiếp phái đoàn phụ lão Nam Kỳ gồm có các ông Nguyễn Thân Hiến, Trần Văn Định, Hoàng Công Đán. Các vị này được tận mắt nhìn thấy kết quả của lưu học sinh tỏ ra rất tin tưởng. Khi trở về nước, họ đã ra sức vận động thanh niên du học, quyên góp nhiều kinh phí cho phong

trào Đông Du. Hội đã bố trí cho đoàn các ông Hoàng Quang Thành và Đặng Bình Thành bí mật về nước để nhận số tiền lớn đó, nhưng họ đã bị bắt tại Sài Gòn!

Hội Công Hiến đã đóng vai trò "người tổ chức - lãnh đạo trực tiếp", hỗ trợ rất đắc lực, rất hữu hiệu đối với mọi hoạt động của phong trào Đông Du. Hội đã góp phần tích cực đào tạo được một số cán bộ cách mạng mới, có nhiệt tình yêu nước, có phẩm chất đạo đức cao. Trong số họ, nhiều người trở thành những chiến sĩ cách mạng rất tận tụy với sự nghiệp giải phóng dân tộc và đã hy sinh cho lý tưởng cao cả.

III. MỘT SỐ THÀNH TỰU BAN ĐẦU

Lưu học sinh Việt Nam học tại các trường Nhật Bản được các thầy giáo giảng dạy tận tình, sống chan hòa với các bạn đồng học và được bạn bè giúp đỡ, lại được cả những "gia chủ" là một số nhân sĩ tiến bộ Nhật Bản (như vợ chồng cụ Kashiwabara Buntaro - Bá Nguyên Văn Thái Lang, được lưu học sinh vinh danh là "Đông Mẫu tiên sinh"), nuôi cho ăn ở trong nhà mình, và nhất là lưu học sinh ta ai nấy đều chăm chỉ học hành "cần công khổ học", trau dồi kiến thức, nên đã đạt được nhiều kết quả khả quan, đáng khích lệ. Dưới đây xin lược ghi một số gương mặt tiêu biểu:

- *Đặng Hữu Bằng* (Đặng Đoàn Bằng, Đặng Xung Hồng): Có tài liệu ghi nhận: "Khi theo học ở trường Chấn Võ (?), ông giỏi hơn các học sinh khác cả về chữ Hán, chữ Nhật và về các môn quân sự, nên năm 1908, ông đậu thủ khoa ở kỳ thi mãn khóa. Minh Trị Thiên hoàng (Mitsu Hito Meiji) là một đấng anh quân đã canh tân nước Nhật, đưa nước Nhật lên địa vị cường quốc, chủ tọa lễ mãn khóa, tặng riêng ông một đồng hồ bỏ túi có khắc tên và chữ ký của nhà vua" (16).

Đặng Đoàn Bằng từng giữ nhiều trọng trách của Hội Duy Tân và Việt Nam Quang Phục Hội. Ông là soạn giả sách *Việt Nam nghĩa liệt sử*. Ông mất năm 1938.

- *Đặng Tử Mẫn* (Đặng Huy Dật): Quê Nam Định, đã tự mình đi làm thuê kiếm thêm tiền để theo học. Sau khi bị trục xuất sang Trung Quốc, rồi lại về Xiêm hoạt động, ông chuyên việc sản xuất, chuyên chở vũ khí cho Hội đảng cách mạng; ông là "một người cương quyết, không sợ mạo hiểm, không sợ gian khổ, quyết đem thân hy sinh cho sự nghiệp cách mạng". Sau này ông là ủy viên kinh tế cho Việt Nam Quang Phục Hội, cũng là người tham gia chế tạo bom, thuốc súng ở Cửu Long, Hương Cảng năm 1913, bị thương cụt ba ngón tay, bị kết án tù... nhưng rồi lại tiếp tục hoạt động cho tổ chức yêu nước và cách mạng trên đất Trung Quốc, bị kẻ địch sát hại năm 1926.

- *Cao Trúc Hải*: Trước học ở trường Thuộc Hà Nội, qua Nhật học tại Đông Văn thư viện. Khi lưu học sinh Việt Nam bị trục xuất, ông xin vào làm bếp cho một hàng cơm ở Tokyo để chờ cơ hội học tiếp. Sau chết vì bệnh đậu mùa.

- *Hoàng Đình Tuân* (Nguyễn Kế Chi): Người Hà Nội, qua Nhật học tại Đông Văn thư viện lúc mới 14 tuổi. Sau khi phong trào Đông Du bị đàn áp, được Đại sứ Trung Quốc tại Tokyo nhận là người Quảng Đông, giới thiệu vào học tiếp ở một trường cao đẳng. Tốt nghiệp rồi lại vào học trường Cao đẳng Sư phạm Nhật, trở về Trung Quốc được cử làm giáo viên tại Bắc Kinh. Ông thông thạo bốn thứ tiếng: Anh, Nhật, Đức, Trung.

- *Lương Lập Nham* (Lương Ngọc Quyến): Sau khi buộc phải rời Nhật Bản, về Trung Quốc, lấy tư cách "tốt nghiệp sinh Chấn Võ học hiệu" để vào trường Quân nhu

Quảng Đông, rồi lại học tiếp trường Sĩ quan Bắc Kinh, giỏi về quân sự. Năm 1914, bị địch bắt giải về nước, giam ở Thái Nguyên, ông đã cùng Đội Cận lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên tháng 8-1917 và anh dũng hy sinh.

- *Lương Nghị Khanh*: Em của Lương Ngọc Quyến. Phong trào Đông Du bị đàn áp, ông phải đi làm thuê để học gần nửa năm, rồi được người Trung Quốc giới thiệu vào học trường Cao đẳng Công nghiệp Nhật Bản. Về sau bị bắt ở Hương Cảng giải về Hà Nội, rồi đày sang Campuchia.

- *Lam Quảng Trung* (Võ Quán): Học ở Đông Văn thư viện, sau về Hương Cảng "học Anh văn hơn một năm, tiến bộ rất nhanh". Ông cũng thông thạo cả Hán văn, nói thạo tiếng bạch thoại, có năng khiếu về quân sự, tốt nghiệp trường Sĩ quan Bắc Kinh. Khi trở về khảo sát địa thế vùng biên giới Trung - Việt để dự bị việc binh trong tương lai. "Vì dầm mưa dãi gió, gian khổ quá độ" nên bị nhiễm bệnh viêm phổi rồi bị loạn óc, chữa mãi không khỏi, phần chí... và tự vẫn trên sông Châu Giang.

- *Hoàng Trọng Mậu* (Nguyễn Đức Công): Người Nghệ An, tinh thông về quân sự, giỏi môn xạ kích, từng tham gia quân đội Trung Hoa. Khi Việt Nam Quang Phục Hội thành lập, ông phụ trách việc quân vụ, cùng với Phan Bội Châu soạn thảo cuốn *Việt Nam Quang phục quân phương lược*. Ông bị địch bắt ở Hương Cảng, giải về Hà Nội, rồi bị xử bắn ở Bạch Mai năm 1916.

- *Trần Hữu Lực* (Nguyễn Thúc Đường): Em ruột Nguyễn Thúc Canh, con cụ Nguyễn Thúc Tự, quê ở Nghi Lộc, Nghệ An. Có năng khiếu quân sự. Sau khi tổ chức Đông Du bị giải tán, ông ở lại Nhật làm thuê để học tiếp, rồi về Trung Quốc học trường Cán bộ Lục quân Quảng Tây, tốt

nghiệp được phong cấp Thiếu úy chỉ huy một tiểu đội. Sau này khi Việt Nam Quang Phục Hội thành lập, ông được phái về Xiêm vận động thanh niên tham gia Quang phục quân. Ông bị bắt đưa về Hà Nội, bị kết án tử hình và bị hành quyết cùng với Hoàng Trọng Mậu.

- *Nguyễn Quỳnh Lâm*: Người Hà Tĩnh. Lúc xuất dương mới 15 tuổi, có năng khiếu quân sự, thích môn học hóa chất, chế tạo thuốc nổ. Về sau, tham gia quân đội Trung Quốc, làm đến chức Trung đội trưởng và hy sinh cho cách mạng Trung Hoa năm 1913.

- *Lê Cầu Tinh*: Người Nghệ An. Thông minh, khéo léo. "Sau lúc giải học, chuyên tập làm nhà chế tạo binh khí, kiểu súng Nhật Bản thời Minh Trị năm thứ 30, rất giống". Năm 1910, bị chết vì bệnh dịch trong lúc đang mưu việc dinh điền ở Xiêm cùng ông Đặng Tử Kính.

- *Đình Doãn Tế*: Người Hà Tĩnh. Sau khi Đông Du bị giải tán, ông ở lại Nhật làm công và học thêm. Sau về Xiêm, mưu việc bạo động, nhưng vừa đến Xakhôn thì mắc bệnh nặng. Trong cơn sốt mê man vẫn nói: "Sát Pháp tặc! Sát Pháp tặc!". Ông mất tại đây.

- *Phan Lại Lương*: Người Nghệ An, xuất dương du học năm 1907. Tư chất thông tuệ, sách Hán văn, Nhật văn chỉ đọc qua một lần là hiểu được ý nghĩa. Sau khi giải học, phải làm khổ công quá sức, bị bệnh phổi phải về Hương Cảng điều trị và qua đời tại đây.

- *Hồ Học Lâm* (Hồ Hình Sơn): Người Quỳnh Lưu, con của bà Trần Thị Trâm (tức bà Lụa), xuất dương năm 1906. Sau ngày bị trục xuất khỏi Nhật Bản, ông về Trung Quốc vào học trường Quân sự Bảo Định Bắc Kinh, tham gia cách mạng Trung Quốc, trở thành sĩ quan cao cấp của đội

quân cách mạng Trung Quốc. Tại Hàng Châu, Chiết Giang, từ năm 1916, gia đình ông là cơ sở của các chiến sĩ lưu vong của ta. Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền và nhiều cán bộ cách mạng Việt Nam lớp sau, được ông tạo điều kiện tốt để tiếp tục hoạt động. Ông được mọi người kính mến và được coi là một chí sĩ lão thành yêu nước "có tinh thần cách mạng kiên trì, không một ngày quên sứ mệnh của mình đối với Tổ quốc" (17). Ông mất tại Quế Lâm, Trung Quốc năm 1943.

IV. THAM GIA SÁNG TÁC THƠ VĂN

Trong thời gian từ năm 1905 - 1908, hoạt động của tổ chức Đông Du gồm các vị lãnh đạo và anh em lưu học sinh ở Nhật cũng rất chú trọng sáng tác thơ văn tuyên truyền yêu nước để phổ biến rộng rãi, coi đó là một mặt hoạt động không thể thiếu trong công tác vận động cách mạng. Phan Bội Châu là người có nhiều tác phẩm văn thơ được đăng trên báo chí Nhật Bản và đã xuất bản thành sách, có tác dụng to lớn nhất. Đó là các tập sách như *Việt Nam vong quốc sử*, *Hải ngoại huyết thư*, *Tân Việt Nam*, *Sùng bái giai nhân...* Hàng chục bức thư, bài báo; hàng chục bài thơ ca khác nữa. Chúng tôi đã sưu tầm, biên soạn và in riêng được một tập khá dày, hơn 600 trang. Đó là Tập 2 của bộ sách *Phan Bội Châu - Toàn tập* (10 tập, bộ mới) do Nhà xuất bản Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây xuất bản trọn bộ vào năm 2000. Do vậy ở đây chúng tôi không nhắc lại.

Ngoài Phan Bội Châu, còn có các tác giả khác như Nguyễn Thượng Hiền với các tác phẩm *Viễn hải quy hồng*, *Tang hải lệ đàm* cũng được sáng tác và xuất bản tại Tokyo năm 1908. Cường Để cũng có các tác phẩm *Kính cáo đồng bào Lục tỉnh*, *Khuyến cáo quốc dân*. Tăng Bạt Hổ có bài thơ *Đông Du thời tác*. Mai Lão Bạng có bài ca *Lão Bạng*

phổ khuyến v.v... Thơ văn của các vị "chức sắc" lớn tuổi này đều đã được giới thiệu trong các tập *Hợp tuyển thơ văn yêu nước đầu thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội đã xuất bản nhiều lần, nên ở đây chúng tôi không dẫn lại nữa. Chúng tôi chỉ xin được kể ra một số văn thơ của chính các lưu học sinh Đông Du đã sáng tác trong thời gian học tập tại Tokyo.

- *Chí sĩ Trần Đông Phong*, trước khi tuần mệnh (21 tuổi, 1908) đã để lại hai bài thơ có ý nghĩa tư tưởng và có giá trị thời sự như sau:

Bạch chí (bày tỏ ý chí)

Họa hê phúc sở ý,

Phúc hê họa sở phục.

Gẫm đạo trời khi bi có khi hanh,

Mở mắt coi thế giới văn minh.

Ai cách mạng, ai cộng hòa, ai dân chủ, ai dân quyền,

Những ai ấy cạnh tranh thời đại?

Năm canh trót nghĩ đi rồi nghĩ lại,

Giọt vắn dài riêng tủi phận dã man.

Mấy năm nay đứt ruột với giang san.

Vua như thế, quan như thế, mà quan sau thì cũng thế!

Anh em thấy đồng bào tương hệ.

Tính sao đây? Sao nở để ngáy khò khò.

Trên đã dành giáo huấn không lo,

Dưới ta phải tự sinh cho hợp đạo.

Bỏ ý gian tham, bỏ lòng kiêu ngạo.

Bỏ riêng, bỏ tây, bỏ vợ, bỏ vào;

Bỏ đại, bỏ khờ, bỏ lường, bỏ láo.

Bỏ cho hết thói cũ sạch sành sanh.

Trên đã dành năm triệu chẳng lành.

Của của mình, nhà nhà mình, nước nước mình.

Nỡ để ấy ai dành mà ai đỡ.

Có khó mới biết khôn, muốn khôn phải chịu khó.

Gánh thảo ngay dành để cho ai.

Còn non, còn nước, còn dài! (18)

Tuyệt mệnh

Thời dữ thế dịch,

Sự dữ tâm vi.

Hư sinh đồ nhuế

Hà dĩ sinh vi?

(Thời và thế đổi

Việc trái với lòng.

Sống thừa chán sống.

Một chết cho xong! (19).

- *Hoàng Trọng Mậu*: Cuối năm 1908, khi Phan Bội Châu biên soạn xong cuốn *Việt Nam quốc sử khảo* có đưa cho Hoàng Trọng Mậu là một lưu học sinh xuất sắc xem, ông đã có *Lời phê ở cuốn sách "Việt Nam quốc sử khảo"* như sau:

"Bốn nghìn năm Tổ quốc như sư tử say ngủ mơ màng. Năm mươi triệu đồng bào tựa lợn già đợi chết buồn thiu. Gọi quốc hồn, quốc hồn chưa tỉnh; nhìn thời cuộc, thời cuộc rối ren. Ai gây ra tai họa này đây, nghĩ việc cũ thêm đau lòng xót ruột! Than ôi! Nước có *nhị thánh*, triều đủ *tứ hung* (20), xem núi sông như bùn nhơ, xem nhân dân như cỏ rác. Chim sẻ kia làm tổ trên mái nhà, có biết đâu nhà sắp cháy. Người bệnh ốm yếu lâu ngày, thoi thóp hơi tàn đợi chết! Có ngờ đâu Hoàng Hà đã mất, thì đất Kỳ Tư (21) cũng chẳng còn. Hãy xem gương Ấn Độ bụi mù, Ba Lan xe ngã (22), gió Tây quét đất, nghe quốc kêu Ấn Đảo (23) thêm sầu. Mù kín ngang trời, nhìn chim nhận ở Côn Lôn mà khiếp!

Ôi! Các bạn người nước ta hãy nhìn xem! Trong cõi nước ta ngày nay, người đã cam tâm làm trâu làm ngựa cho người ngoài, cam tâm gọi người ngoài là cha là anh! Vậy

có nên cùng nhau một phen khua tỉnh dậy, muôn miệng cùng hô vang. Hãy coi nhẹ tính mệnh mà giữ vững cương thường, làm tròn trách nhiệm con người. Hãy tôi luyện can trường để đẩy lùi súng đạn, thể chết không dối đời, khôi phục sơn hà, bảo tồn chủng tộc, tẩy sạch nhục nô lệ trước đây, hoàn toàn làm chủ nhân ông đất nước. Đó chính là điều tác giả mong mỏi nhất ở quốc dân. Và quốc dân ta nhất định có thể làm về vang cho quốc sử" (Chương Thâu dịch) (24).

- *Đặng Đoàn Bằng*: Một lưu học sinh xuất sắc, giỏi văn chương chữ Hán, khi được tin Tăng Bạt Hổ - một yếu nhân của phong trào Đông Du - trở về nước, trên đường đi công tác, đến Huế, thì bị cảm bệnh tả và qua đời tại đây (1906), Đặng rất đau xót, có bài thơ *Điếu Tăng Bạt Hổ* dịch như sau:

"Nằm gai nệm mật ba mươi thu,
Đau lòng đá khôn lấp bể thù.
Thần Châu (25) rậm rạp ổ rắn, lợn,
Sao đem gươm quý chôn trong tù?
Hỡi ông bình sinh tính cương kiện,
Tài như ngựa Ký theo gió điện.
Tuổi trẻ chí mạnh hứa cung tên,
Vút bút tông quân theo Định Viễn (26).
Vận nước ngày nay gặp hiểm nguy.
Non sông như cũ, chủ nhân thay.
Giờ tay gọi lớn giết quân giặc.
Gươm vàng giận chỉ về non Tây.
Ra đi có chí dựa vào tường (27),
Chiếc ngựa vòng quanh muôn dặm trường.
Việc không chiều lòng làm sao được!
Giọt lệ Thân Tư chảy thấm thương.
Phong trần gian khổ trải mấy thu,
Xót vì mỗi chân cuộc viễn du.
Sâu co, rắn nấp còn chờ đợi

Ngày về Xuân Kinh thuyền êm ru.
Lúc đi đường thấy lúa xanh tươi,
Gặp gỡ tri âm nhờ lòng trời,
Một ngày càng phơi bày gan ruột.
Cùng đi Phù Tang muôn dặm khơi.
Nhờ ông giúp sức khơi dòng dầu.
Thuyền vượt trùng dương ngày càng
nhiều.

Rót nền học mới vào bể óc,
Thế rửa sóng đục bằng thanh lưu.
Gió thu đêm vắng thuyền trôi nổi.
Khóc ông chôn chí nơi chín suối,
Hiu quạnh chiều hôm điệu nắm mồ.
Tiếng hạc sông Hương kêu buồn tui
(Tôn Quang Phiệt dịch) (28)

v.v...

Sáng tác văn thơ của lưu học sinh Việt Nam ở Nhật Bản còn nhiều... nhiều nữa. Trên đây chúng tôi chỉ lược trích tác phẩm của ba người mà thôi. Tuy vậy, cũng có thể thấy được rằng, các bạn trẻ này đã hưởng ứng các bậc cha chú, các vị "chức sắc" kính mến lãnh đạo họ, mà đã góp phần văn của mình và đã làm phong phú thêm kho tàng văn thơ yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. Thật là đáng quý!

V. THAM GIA TRONG CÁC HỘI "LIÊN MINH QUỐC TẾ" VÀ CHẤP NÓI "TÌNH HỮU NGHỊ VỚI NHÂN DÂN" CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC

Từ giữa năm 1908, sau khi Hiệp ước Pháp - Nhật ký từ 10-6-1907" (29) được thực thi, để trừ mối "nguy hại" cho địa vị thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương, chính phủ Nhật ra lệnh giải tán tổ chức Đông Du của Phan Bội Châu, trục xuất hết lưu học sinh Việt Nam ra khỏi đất nước Phù Tang, Phan Bội Châu "biết rõ không thể mong đợi ở Nhật Bản được nữa, bèn chuyển khuynh hướng về cách mệnh Trung

Hoa và hy vọng vào những dân tộc đồng bệnh cùng ta" (30). Phan Bội Châu bắt đầu nghĩ đến việc liên hợp toàn châu Á, đoàn kết với các chí sĩ lưu vong của các nước Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Phi Luật Tân hiện sống ở Nhật Bản để cùng nhau bàn định, trao đổi kế sách cứu nước và hợp nhau trong một tổ chức chính trị gọi là *Đông Á Đồng Minh Hội*. Trong Hội này, Trung Quốc có Chương Bỉnh Lân, Trương Kế, Cảnh Mai Cửu; Triều Tiên có Triệu Tố Ngang; Ấn Độ có ông họ Đới; Phi Luật Tân có ông họ Đát với vài chục đồng chí; Nhật Bản có Đại Sam Vinh, Giới Lợi Ngạn Cung Kỳ Thao Thiên và hơn mười người thuộc Đảng Xã hội. Việt Nam có Phan Thị Hán (tức Phan Bội Châu), Đặng Tử Mẫn, Nguyễn Quỳnh Lâm và nhiều người khác nữa. "Hội này thành lập, là làm cái dây bắt đầu liên lạc Đông Á" (31) do Chương Bỉnh Lân làm Hội trưởng và Phan Bội Châu làm Phó Hội trưởng. Và như vậy là có nhiều lưu học sinh Việt Nam được hoạt động trong một Hội đồng minh của các nước ở Đông Á. Họ bắt đầu hoạt động chính trị có tính chất quốc tế.

Sau khi *Đông Á Đồng Minh Hội* thành lập chưa bao lâu, Phan Bội Châu muốn có một chỗ dựa vững chắc hơn, có tác dụng trực tiếp và thiết thực hơn đối với công cuộc vận động chung của hai nước Việt - Trung gần gũi, bèn liên lạc ngay với số lưu học sinh của hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây để lập ra một hội nữa gọi là *Điền Quế Việt liên minh*. Phan Bội Châu "nghĩ nước có quan hệ thuận xĩ (môi rãng) mật thiết với mình, chẳng nước nào bằng Trung Hoa, mà Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam lại càng mật thiết với ta hơn, nên lại chạy vạy những nơi học trò Điền, Quế ở, kinh dinh gây dựng ra *Điền Quế Việt Liên Minh Hội*" (32). Hội trưởng Hội lưu học sinh Vân Nam là Triệu Thân và Hội trưởng Hội lưu học sinh Quảng Tây là Tăng Ngạn đều tán

thành ý kiến của Phan Bội Châu, và ngay sau đó, chỉ trong vài tuần lễ lưu học sinh hai tỉnh này cùng với lưu học sinh Việt Nam lần lượt gia nhập Hội và do ba vị "sáng lập viên" này điều hành chung. Thiết nghĩ, lịch sử vận động cách mạng hai nước Việt - Trung, chí ít là lịch sử hoạt động cách mạng của những người Điền Quế và Việt Nam ở trên đất Nhật những tháng ngày cuối cùng của năm 1908, không thể không ghi nhận sự kiện này và không nghĩ đến Hội này đã từng tập hợp ở đây những lưu học sinh Điền Quế Việt cùng hoạt động về mục đích "đoàn kết, giúp nhau đánh đổ kẻ thù chung".

Nhưng rồi chỉ mới được năm tháng hoạt động và chưa có thành hiệu gì nhiều thì chính phủ Nhật do sự hối thúc của thực dân Pháp đã ra lệnh giải tán *Đông Á Đồng Minh Hội*. Còn *Hội Điền Quế Việt liên minh* sau khi thành lập được ba tháng cũng bị chính phủ Mãn Thanh bóp chết nốt! Bấy giờ, Phan Bội Châu mới chua chát nói lên nỗi lòng bi phẫn rằng: "Chúng ta phải biết, hễ đương ở trong thế giới cường quyền, thiết không một Hội chính nghĩa công lý nào lộ mặt với bọn đế quốc được" (33). Bài học thực tế gian khổ khó khăn trong đời hoạt động yêu nước cách mạng này hẳn cũng đã góp phần rèn luyện ý chí cho đội ngũ lưu học sinh Việt Nam ở trên đất Nhật Bản lúc bấy giờ. Họ sẽ bị trục xuất khỏi nước Nhật ngay sau đó, nhưng phần đông trong số họ sẽ tiếp tục lý tưởng của mình trên đất Trung Quốc, đất Xiêm... như lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX đã ghi nhận. Những năm tháng học tập, sinh hoạt chính trị của đội ngũ lưu học sinh ở Nhật Bản trong phong trào Đông Du quả là cái vốn quý về "nhân sự" của cách mạng nước ta vậy.

Đồng thời, qua quá trình học tập (và hoạt động chính trị trong các "hội liên minh") tại Tokyo - một "trung tâm chính trị - văn hóa của Đông Nam Á" thời bấy giờ, các nhà lãnh đạo phong trào Đông Du và lưu học sinh Đông Du, được tiếp xúc, mở rộng việc hợp tác với các nhà cách mạng thế giới, đã tạo lập được một số tổ chức cách mạng ở khu vực như *Hội Đông Á đồng minh*, *Hội Diên Quê Việt liên minh*. Tư tưởng "liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở châu Á" chính là bắt nguồn từ Tokyo này.

Riêng đất nước sở tại - Nhật Bản, với sự hiện diện của các nhà "lãnh đạo Đông Du" và khoảng 200 lưu học sinh Đông Du, cũng đã phản ánh một "mối tình hữu nghị nhân dân" thật đáng quý. Tuy rằng phong trào Đông Du bị đàn áp, phải giải tán, thì đó là hành động của chính phủ quân phiệt câu kết với thực dân Pháp, là thuộc về phía "quan phương" (mà như ngày nay gọi là "chủ trương của tập đoàn lãnh đạo"). Còn như về phía nhân dân Nhật Bản đối với các nhà yêu nước Việt Nam, với các lưu học sinh hiếu học là những người anh em "đồng văn, đồng chủng, đồng châu" thì vẫn được đối xử rất tốt, nhất là các nhân sĩ trí thức tiến bộ đã tận tình giúp đỡ, cứu mang những người Việt Nam trong tổ chức Đông Du. Phan Bội Châu và nhân dân Việt Nam mãi mãi và không bao giờ quên sự giúp đỡ tận tình của bác sĩ Asaba Sakitarol (Thiền Vũ Tá Hỉ Thái Lang), của cụ Kashiwabara Buntarol (Bá Nguyên Văn Thái Lang), của Migazuki Toten (Cung Kỳ Thao Thiên) và rất nhiều người khác nữa. Bởi thế mà Phan Bội Châu sau hơn 10 năm xa cách Nhật Bản, năm 1918, sau khi ra tù đã cùng với người lưu học sinh cũ là Nguyễn Thái Bạt tìm đến quê hương của bác sĩ Asaba xây bia kỷ niệm, tỏ lòng biết ơn sâu sắc vị ân nhân này.

Việc làm này đã ghi đậm dấu tích "lòng biết ơn, tình hữu nghị" sâu sắc, được nhân dân Nhật Bản hết sức tôn trọng và cảm kích. Cho nên mới đây, hồi tháng 7-2003, Hội Truyền thống yêu nước của tỉnh Shizuoka (Tỉnh Cương) của Nhật Bản đã long trọng tổ chức "Lễ kỷ niệm 85 năm nhà yêu nước Việt Nam Phan Bội Châu dựng bia Asaba Sakitarol" và mời một số nhà khoa học Việt Nam và thân nhân của Phan Bội Châu sang dự. Thật cảm động! (34).

Cũng thời gian này, từ Trung Quốc (Chiết Giang, Hàng Châu) Phan Bội Châu đã viết thư báo tin với cụ Kashiwabara Buntarol là Phan Bội Châu đã ra tù và nói lời tri ân đối với Cụ trước đây đã cứu mang cho nhiều lưu học sinh Việt Nam. Trong đó có đoạn viết: "Gần đây, do anh em tôi từ Nhật Bản trở về Quảng Đông tin cho tôi biết về tình hình của tiên sinh, vui mừng khôn xiết. Tiên sinh lấy lòng hào hiệp, coi khinh thường tục, hào khí suốt năm châu, làm cho người chết sống lại, mà không nói đến ơn đức, làm cho nòi giống sắp tuyệt diệt, tiếp tục tồn tại, mà không tính công. Việc ấy, lòng ấy, người ấy, trộm nghĩ có lẽ hiện nay không gì sánh nổi. Điều mà tôi và các đồng chí của tôi sớm tối cầu chúc cho tiên sinh há giống như những tư tưởng tầm thường dung tục sao! Chúng tôi không dám dùng tư tưởng tầm thường để mong đợi ở tiên sinh, chính vì tiên sinh chắc chắn cũng không dùng tư tưởng tầm thường để đòi hỏi ở chúng tôi. Nếu như chúng tôi ý chí và hành động hèn kém, tinh thần sa sút ngồi nhìn nước mình chìm đắm, thì vừa không có gì để đối với tiên sinh, vừa bị nhân loại khinh rẻ.

Tưởng nhớ đến tri kỷ, lòng vừa lo vừa thẹn. Trời xanh mênh mang, đất nới cùng cực. Nghĩ rằng các bậc hiền triết cao minh

chắc chắn thấu hiểu tấm lòng của người mất; lại có những người không thể chỉ dừng ở sự cảm kích. Bọn học sinh con em chúng tôi được tiên sinh nhọc công giáo dục, ơn cha ơn thầy, lại được hiền quý phu nhân (35) yêu mến như con, thật là hữu ái phi thường. Với ân tứ thiêng liêng của Thiên đế sẽ có lúc chủ nghĩa nhân đạo phát triển viên mãn. Những người như tiên sinh và hiền quý phu nhân chắc chắn không chỉ bọn chúng tôi và người nước tôi sùng bái ngợi ca.

Xa lâu nhớ sâu, ý dài lời ngắn, mong có một dịp khác sẽ cùng nhau uống rượu vui mừng, thổ lộ tâm tư cho thỏa.

Nhân đây, tôi xin thay mặt anh em gửi lời hỏi thăm các hiệp hữu Néju Hajine (36) tiên sinh, Tsynuya Morikoto (37) tiên sinh. Kính chúc các vị bình an.

Ngày 1 tháng 6 năm Bính Thìn (1916)

Việt Nam, Phan Thị Hán cúi đầu (38)".

Rõ là một bức thư tâm huyết, một tư liệu lịch sử quý hiếm phản ánh tình hữu nghị thắm thiết giữa nhân dân hai nước Việt - Nhật.

*

Công cuộc cứu nước của Hội Duy Tân, trong đó nổi bật nhất là hoạt động của phong trào Đông Du và chủ yếu là của "đội ngũ lưu học sinh Việt Nam trên đất Nhật Bản đầu thế kỷ XX" đã tạo nên một không khí cách mạng sôi nổi khắp ba miền Bắc Trung Nam. Phong trào Đông Du đã góp phần thúc đẩy, phối hợp nhịp nhàng với hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội và phong trào Duy Tân ở Nam Ngãi cũng như ở Lục tỉnh Nam Kỳ. Nhưng rồi các phong trào này đều bị thực dân Pháp đàn áp, dập tắt.

Phong trào Đông Du bị chính quyền quân phiệt Nhật giải tán, trục xuất cảnh ngoại tất cả lưu học sinh Việt Nam, kết thúc một giai đoạn hoạt động có hiệu quả nhất của Hội Duy Tân.

Như đã trình bày ở trên, đội ngũ lưu học sinh Đông Du đó không chỉ "cầu học" những kiến thức văn hóa ở nhà trường, ở các ngành chuyên môn quan yếu như quân sự, kinh tế, ngoại ngữ, v.v... mà bao quát hơn nhiều lĩnh vực khác nữa, như những kiến thức về "tổ chức, hoạt động của hội, đoàn thể chính trị", về "nội tình ngoại thế", về sự gắn bó quan hệ "quốc nội hải ngoại" v.v... Tóm lại nói như Phan Bội Châu là học cái "cách mạng học". Thời gian học tập tuy ngắn ngủi, chưa đầy bốn năm đó, đối với lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX, có ý nghĩa như là một điểm nhấn, một cái đà, một nhịp cầu nối liền truyền thống đấu tranh giữa phong trào Cần Vương cuối thế kỷ trước bị thất bại đến với phong trào đấu tranh chống Pháp thắng lợi sau này dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng của giai cấp công nhân. Vì rằng, nhiều học sinh Đông Du sau khi bị trục xuất khỏi Nhật Bản vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng ở nước ngoài cũng như ở trong nước. Họ đã tham gia thực sự vào cuộc đấu tranh đầy khó khăn gian khổ vì sự nghiệp chống thực dân Pháp giành độc lập cho nước nhà. Những từ "chiến sĩ Đông Du" vẫn là niềm tự hào của họ và gây được sự kính trọng trong nhân dân ta. Lịch sử dân tộc Việt Nam dành cho "đội ngũ lưu học sinh Đông Du" những dòng ghi chép trân trọng. Và năm nay nhân kỷ niệm "100 năm phong trào Đông Du" chúng ta cũng đang nghiêm trang tưởng nhớ đến họ.

Hà Nội, đầu thu năm Ất Dậu - 2005

CHÚ THÍCH

- (1). Phan Bội Châu. *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2000, tr. 156.
- (2), (3). Phan Bội Châu. *Toàn tập*, tập 2, tr. 254, 257.
- (4). Hai người này có thể là Ngô Quang Doan (con của lãnh tụ nghĩa quân Nguyễn Quang Bích) và Nguyễn Xuân Thúc (con của Án sát Nguyễn Xuân Tiêu) lúc đó đi sang Yokohama gặp Phan Bội Châu về việc gì đó, xong trở về nước ngay (?).
- (5). Đặng Đoàn Bằng và Phan Bội Châu, *Việt Nam nghĩa liệt sử*, Tôn Quang Phiệt dịch, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1959, tr.205.
- (6). *Việt Nam nghĩa liệt sử*, Sdd, tr. 114 - 115.
- (7), (8). Dẫn theo Nguyễn Tiến Lực, *Phong trào lưu học sinh của thanh niên Việt Nam ở Nhật Bản (1905-1909)*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 1 (I - II), 1995, tr. 26.
- (9). Phan Bội Châu. *Toàn tập*, tập 6, Sdd, tr.179.
- (10). Nguyễn Tiến Lực, Sdd, tr. 26.
- (11). Phan Bội Châu. *Toàn tập*, tập 6, Sdd, tr. 186.
- (12). Trần Trọng Khắc, *Năm mươi bốn năm hải ngoại*, Sài Gòn, 1971, tr. 14.
- (13), (14). Phan Bội Châu. *Toàn tập*, tập 6, Sdd, tr. 46, 182.
- (15). Chương Thâu biên soạn, *Nguyễn Thượng Hiền. Tuyển tập thơ văn*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 2004, tr. 302, 304.
- (16). Đặng Hữu Thụ, *Làng Hành Thiện và các nhà Nho Hành Thiện dưới triều Nguyễn*, Nhà in CYBER s.a. Belgique, 1992, tr. 371.
- (17). Hoàng Thanh Đạm, *Chí sĩ Hồ Học Lâm trong và sau phong trào Đông Du*, in trong *Phong trào Đông Du và Phan Bội Châu*, Nxb. Nghệ An, 2005, tr. 241.
- (18), (19). Nguyễn Bá Thế, *Chí sĩ Việt Nam: Trần Đông Phong, Văn học Nguyệt san*, Sài Gòn, số 65.
- (20). *Nhị thánh*: chỉ mẹ con Tự Đức. *Tứ hung*: thời Tự Đức có câu về lưu hành trong dân gian (theo nhận định ngày nay thì không đúng): "Nước Nam có bốn anh hùng: Tường gian (Nguyễn Văn Tường), Viêm lảo (Hoàng Kế Viêm), Khiêm khùng (Ông Ích Khiêm), Thuyết ngu (Tôn Thất Thuyết)".
- (21). *Hoàng Hà, Kỳ Tư*: Trần Hậu Chủ đời Ngô Quý bên Trung Quốc nói: "Hoàng Hà có bị mất, vẫn còn nước nhỏ như Kỳ Tư để mà làm vua". Về sau mất hết.
- (22). *Ấn Độ, Ba Lan* đầu thế kỷ XX đã trở thành nước bị đế quốc Anh và Đức xâm chiếm.
- (23). *Ấn Đảo - Côn Lôn*: *Ấn Đảo* tức mũi Ó Cáp, Cap Saint Jacques tức là Vũng Tàu ngày nay; *Côn Lôn* tức đảo Côn Lôn, tức Côn Đảo.
- (24). Phan Bội Châu, *Việt Nam quốc sử khảo*, Chương Thâu dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1961.
- (25). *Thần Châu*: chỉ kinh đô Huế.
- (26). *Định Viễn*: tước hầu của Ban Siêu, đời Hán, bỏ học tông quân.
- (27). Thân Bao Tư dựa vào tường ở sân vua Tân để cầu viện binh cho nước Sở.
- (28). Theo *Việt Nam nghĩa liệt sử*, Sdd.
- (29). Nội dung *Hiệp ước Pháp - Nhật 10-6-1907* nêu rõ: "Chính phủ Pháp và Nhật vì lẽ theo nguyên tắc tôn trọng sự độc lập hoàn toàn của Trung Quốc và tôn trọng nghề buôn bán cùng nhân dân các nước đồng đẳng ở Trung Quốc, và đặc biệt chú ý đến việc duy trì trật tự và hòa bình ở những dải đất thuộc quyền sở hữu, quyền bảo hộ và quyền chiếm lĩnh của Pháp - Nhật ở gần kề nước Trung Quốc, nay ước định giúp đỡ lẫn nhau,

bệnh vực sự hòa bình và yên lành ở những dải đất ấy để giữ gìn quyền lãnh thổ và địa vị của hai nước ở trên cõi đất châu Á".

(30). Phan Bội Châu. *Toàn tập*, tập 6, Sđd, tr.196.

(31), (32), (33). Phan Bội Châu. *Toàn tập*, tập 6, Sđd, tr.1298, 199.

(34). Bác sĩ Asaba Sakitarol đã từng chu cấp kinh phí cho lưu học sinh Nguyễn Thái Bạt học ở Đồng Văn thư viện. Năm 1908, Phan Bội Châu đang bị khốn quẫn về khoản kinh phí mua vé tàu cho lưu học sinh trở về lại Nam Kỳ, lại được bác sĩ giúp cho 1700 *yên*, một số tiền rất lớn lúc bấy giờ (tương đương 30 triệu *yên* hiện nay, tức hơn 20 vạn đôla Mỹ). Trong khi lương của Hiệu trưởng Tiểu học Higashi Asaba lúc bấy giờ là 18 *yên* mỗi tháng. (Trích theo chú thích của Vĩnh Sinh, *Việt Nam và Nhật Bản - Giao lưu văn hóa*, Nxb. Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 221).

- Tấm bia kỷ niệm Asaba Sakitarol dựng trong một nhà bia khá lớn. Nội dung dịch như sau:

"Chúng tôi vì việc nước, chạy sang đất Phù Tang. Ông thương chí chúng tôi, giúp khi hoạn nạn, không mong báo đáp. Ông có thể sánh với người hào hiệp đời xưa. Nay tôi lại đây, ông đã mất rồi. Trông khắp bốn bể, bóng người đã vắng, mệnh mỏng trời bể, lòng này khôn tỏ. Mỗi khắc cảm tưởng vào đá. Ghi rằng: "Hào xưa hơn nay,

nghĩa đây trong ngoài, ông giúp như trời, tôi chịu như bể, chí tôi chưa thành, ông không chờ tôi, lòng này đau thương, đến ức vạn năm".

Tất cả người của Hội Việt²Nam Quang Phục xin ghi lại".

- Phan Thiệu Cơ, *Một vài cảm tưởng...* in trong *Phong trào Đông Du và Phan Bội Châu*, Sđd, tr. 423.

(35). Theo *Tuyên ký các bậc chí sĩ tiên giác Đông Á* (tập trung): "Kashiwabara là người ngay từ đầu đã tận lực giúp đỡ họ, đã giữ mấy lưu học sinh trẻ ở lại nhà mình, yêu mến họ như con em trong nhà, đến mức những người này đều gọi vợ chồng Kashiwabara là "cha", "mẹ" (trang 821). Có thể thấy ông bà đã được lưu học sinh yêu kính đến mức nào.

(36). Neju Hajine (1860 - 1927) quê ở Yamanashi, hoạt động tích cực trong *Hội Đông Á đồng văn*, có quan hệ tốt với lưu học sinh Việt Nam thời kỳ Đông Du.

(37). Tsuneya Monikoto (1855 - 1909) quê ở Fukujima, hoạt động tích cực trong *Hội Đông Á đồng văn*, có quan hệ tốt với lưu học sinh Việt Nam thời kỳ Đông Du.

(38). Bức thư này trích ở bài *Hai bức thư của Phan Bội Châu gửi chính khách Nhật Bản*, đăng trong *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 6-2001, tr. 77 (Chương Thâu sưu tầm).